TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2018/HN&GĐ-ST
Ngày: 24/04/2018
V/v Ly hôn B - H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Thế Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Mai Minh Chánh
2.Bà Trương Thị Thu Thủy

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 469/2017/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX – ST ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1987
Nơi cư trú: Tổ 09, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Châu Đốc, Đoàn luật sư tỉnh An Giang.
2.Bị đơn: Ông Trần Chí H, sinh năm 1979
Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 08 năm 2017 và lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Trần Chí H kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Khoảng hai năm gần đầy, ông H thường hay ghen tuông bà vô cớ, kiểm soát giờ giấc chi ly từng chút, đi đâu xa về muộn là ông H chưởi mắng, đánh đập bà. Bà không tiếp tục chịu đựng được nữa nên đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 06/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn ông H. Bà và ông H có một con chung Trần Thị Kim Chi, sinh năm 2008 bà yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông H có tài sản chung: 01 căn nhà giá 60.000.000 đồng, 04 lượng vàng 24kr, 01 xe gắn máy 24.000.000 đồng, 01 xe cải tiến 40.000.000 đồng ông H đang quản lý, yêu cầu chia theo pháp luật. Nợ chung không có.

Bị đơn ông Trần Chí H trình bày: Ông thống nhất thời gian kết hôn và có một con chung như bà B trình bày. Về mâu thuẫn, vợ chồng có cự cải nhau chuyện nhỏ trong gia đình, ông không có đánh đập vợ con. Ông còn thương vợ không đồng ý ly hôn. Tài sản chung, ông đang quản lý gồm căn nhà, xe cải tiến, xe gắn máy, không có 04 lượng vàng 24kr; bà B quản lý xe cup 50, 03 chỉ vàng 24kr, 02 chỉ vàng 18kr và đôi bông tay; bà B còn quản lý tài sản của con 1,2 chỉ vàng 18kr và 600.000 đồng.

Tại phiên tòa, Bà B giữ nguyên yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung, rút một phần yêu cầu chia tài sản đối với 40 chỉ vàng 24kr. Ông H không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung. Về tài sản chung, ông yêu cầu giao cho bà B căn nhà, ông xin nhận xe cải tiến và xe gắn máy.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu cảu bà B, cho bà B được ly hôn ông H; con chung giao bà B nuôi dưỡng; tài sản chung chia theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật xác định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà B được ly hôn ông H; con chung giao ông H nuôi dưỡng. Về tài sản chung, bà B rút yêu cầu chia 40 chỉ vàng 24kr, đề nghị đình chỉ xét xử một phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung; tài sản chung chung gồm có 01 căn nhà, 01 xe cải tiến, 01 xe gắn máy hiệu sirius, 01 xe gắn máy cub 50, 03 chỉ vàng 24kr chia theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà B và ông H kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức. Bà B cho rằng hai năm gần đây ông H ghen tuông vô cớ, bà đi đâu ông H về kiểm tra giờ giấc, về nhà trễ là bị ông H chưởi mắng, chì chiết, không thể tiếp tục chung sống nên bà về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 06/2017 đến

nay. Ông H không thừa nhận chưởi mắng bà B, vợ chồng chỉ cải vã chuyện lặt vặt trong gia đình, ông còn thương vợ, không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh, địa phương chỉ biết bà B về nhà cha mẹ ruột sống do ông H khó khăn trong cuộc sống vợ chồng.

Bà B và ông H là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, mỗi lần bà B và ông H gặp mặt nhau là có những lời lẽ nhục mạ lẫn nhau, cự cải, chưởi mắng nhau gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tòa án. Điều này chứng tỏ giữa hai người không còn yêu thương, không tôn trọng nhau. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay hơn 10 tháng nhưng cả hai không còn thiện chí để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu cho ly hôn giữa bà B và ông H.

[2] Về con chung: Bà B và ông H có một con chung Trần Thị Kim Chi, sinh năm 2008 ông H dưỡng nuôi dưỡng. Bà B yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông H là người trực tiếp nuôi con, cháu Chi có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha, ông H có nhà ở riêng, có công ăn việc làm ổn định hơn bà B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao ông H được tiếp tục nuôi cháu Chi. Ông H không yêu cầu nên không buộc bà B cấp dưỡng nuôi con. Ông H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà B đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Bà B và ông H thống nhất vợ chồng có tài sản chung ông H đang quản lý gồm có căn nhà khung gỗ, lợp tol ngang 4,7m dài 11m tọa lạc ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, An Giang, 01 xe cải tiến, 01 xe gắn máy hiệu sirius BS 67D1-519.80; bà B quản lý 01 xe cúp 50RG và 03 chỉ vàng 24kr, bà B có giữ 1,2 chỉ vàng 18kr và 600.000 đồng là tài sản của cháu Chi.

Bà B có tranh chấp tài sản chung là 40 chỉ vàng 24kr bà cho rằng ông H quản lý nhưng ông H không thừa nhận. Tại phiên tòa bà B rút yêu cầu chia 40 chỉ vàng 24kr, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia 40 chỉ vàng 24kr. Ông H cho rằng bà B giữ 02 chỉ vàng 18kr nhưng bà B thừa nhận chỉ có 0,5 chỉ vàng 18kr đôi bông tai bà B đang đeo. Tại phiên tòa, ông H không yêu cầu chia đôi bông tai. Như vậy, ông H bà B có tài sản chung gồm có căn nhà được định giá 46.500.000 đồng, xe cải tiến giá

20.000.000 đồng, xe gắn máy hiệu sirius giá 17.000.000 đồng, xe gắn máy loại cúp 50RG giá 2.000.000 đồng, 03 chỉ vàng 24kr 10.854.000 đồng (giá trong ngày 3.618.000đ/chỉ), tổng cộng 96.354.000 đồng. Bà B đồng ý trả lại cho cháu Chi 1,2 chỉ vàng 18kr và 600.000 đồng giao ông H quản lý nên ghi nhận sự tự nguyện. Tài sản chung của bà B và ông H trị giá 96.354.000 đồng được chia mỗi người ½ tài sản là 48.177.000 đồng. Ông H đang quản lý tài sản chung gồm căn nhà, xe cải tiến, xe gắn máy hiệu sirius có tổng giá trị 83.500.000 đồng. Ông H đồng ý nhận xe cải tiến và xe gắn máy, căn nhà ông yêu cầu giao cho bà B. Căn nhà là tài sản chung vợ chồng nhưng được xây dựng trên đất cha mẹ ông H. Do đó, giao căn nhà, xe cải tiến, xe gắn máy hiệu sirius cho ông H được sở hữu là thuận tiện và phù hợp với thực tế. Bà B được sở hữu xe gắn máy cup 50RG và 03 chỉ vàng 24kr tổng giá trị 12.854.000 đồng. Ông H có nghĩa hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho bà B 35.323.000 đồng.

Ông H, bà B không có nợ chung.

[4]Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu 2.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B và ông H mỗi người phải chịu 400.000 đồng tiền định gía tài sản. Bà B đã nộp xong tiền định giá, ông H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B 400.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Trần Chí H

Về con chung:

Bà B và ông H có 01 con chung Trần Thị Kim Chi, sinh năm 2008. Giao cháu Chi cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà B đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà B thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà B về việc chia 40 chỉ vàng 24kr

Bà B và ông H có tài sản chung gồm căn nhà khung gỗ, lợp tol giá 46.500.000 đồng, xe cải tiến giá 20.000.000 đồng, xe gắn máy hiệu sirius giá 17.000.000 đồng, xe gắn máy loại cúp 50RG giá 2.000.000 đồng, 03 chỉ vàng 24kr 10.854.000 đồng (giá trong ngày 3.618.000đ/chỉ), tổng cộng 96.354.000 đồng. Tài sản chung được chia như sau:

Ông H được sở hữu tài sản chung ông đang quản lý gồm căn nhà, xe cải tiến, xe gắn máy hiệu sirius có tổng giá trị 83.500.000 đồng

Bà B được sở hữu tài sản chung bà đang quản lý gồm xe gắn máy cup 50RG giá 2.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24kr tổng giá trị 12.854.000 đồng.

Ông H có nghĩa vụ hoàn lại tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà B 35.323.000 (ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng)

Ghi nhận sự tự nguyện của bà B đồng ý trả lại 1,2 chỉ vàng 18kr và 600.000 (sáu trăm nghìn đồng) cho cháu Chi. Giao ông H được quản lý tài sản cháu Chi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 458 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 2.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số 0017340 và 0017341 ngày 15/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà B được nhận lại 92.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông H phải chịu 2.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B và ông H mỗi người phải chịu 400.000 đồng tiền định gía tài sản. Bà B đã nộp xong tiền định giá, ông H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B 400.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***** Nơi gởi:
- TAND tỉnh An Giang.
- VKS H. Châu Phú.
- THA H. Châu phú
- Các đương sự.
- Lưu HS + VP.

Trần Thế Văn